

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Y
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59 /2017/ HNGĐ – ST
Ngày 29/11/ 2017.
V/v: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Y, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Huy.
2. Ông Vũ Đức Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Mai Huệ – Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Ngày 29 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 335/2017/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017 về việc: “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Bích H, sinh năm 1981 - Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Việt K, sinh năm 1977 - Vắng mặt.

Cùng ĐKNKTT: Thôn V, xã V, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Tạm trú: Tổ 56, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/9/2017; bản tự khai; các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị Bích H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Bích H và anh Phạm Việt K tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T (nay là thành phố Y), tỉnh Yên Bái vào ngày 03/12/2002. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, đánh đập nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay

chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K.

Về con chung: Chị H và anh K có 01 con chung là cháu Phạm Ngọc K1 sinh ngày 09/9/2003, hiện nay cháu K1 đang ở cùng chị H. Nếu ly hôn, nguyện vọng của chị H được trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc cháu K1. không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ anh Phạm Việt K trình bày:

Về tình cảm: Anh K nhất trí với ý kiến của chị H về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do kinh tế gia đình còn khó khăn, thiếu thốn nên xảy ra mâu thuẫn và do tính cách vợ chồng không hòa hợp nên vợ chồng bất hòa với nhau. Anh K xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ, trường hợp chị H nhất quyết ly hôn anh K đồng ý.

Về con chung: Anh K và chị H có 01 con chung là cháu Phạm Ngọc K1 sinh ngày 09/9/2003. Nếu ly hôn, nguyện vọng của anh K được trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc cháu K1 không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung : Anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Bùi Thị Bích H có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái giải quyết về việc: “ Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” giữa chị với Phạm Việt K. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Y.

Anh K có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh K tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 03/12/2002 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T (nay là thành phố Y), tỉnh Yên Bái là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách không hòa hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm, chị H và anh K đã sống ly thân từ năm 2016. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị H, anh K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh K.

[3]. Về con chung: Chị H và anh K có 01 con chung là cháu Phạm Ngọc K1 sinh ngày 09/9/2003. Chị H và anh K cùng có nguyện vọng được trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc cháu K1 nguyện vọng của chị H và anh K đều chính đáng. Song việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng, phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của con chưa thành niên và nguyện vọng của con. cháu K1 có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Mặt khác, từ khi chị H và anh K ly thân, cháu K1 vẫn ở cùng chị H. Do vậy, môi trường sống của cháu K1 không cần thiết phải thay đổi, để cháu Khang có cuộc sống ổn định và phát triển bình thường. Cần giữ nguyên tình trạng nuôi con như hiện nay, giao cháu K1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Các vấn đề khác.

- Về án phí : Chị Bùi Thị Bích H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Bích H được ly hôn anh Phạm Việt K.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Ngọc K1 sinh ngày 09/9/2003 cho chị Bùi Thị Bích H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu K1 đủ 18 tuổi. Anh Phạm Việt K không phải cấp dưỡng nuôi cháu K1 và có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu K1 mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị Bích H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ và số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2013/07098 ngày 02/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Y, tỉnh Yên Bái (Chị H đã nộp đủ tiền án phí).

4. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị Bích H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Việt K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Y.
- Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Y;
- Các đương sự;
- UBND xã V, thành phố Y;
- Lưu: Hồ sơ; TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Tuyền